

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
SAO THÁI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Số: 3009/2025/CBTT-SJF

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2025

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

- Mã chứng khoán: SJF

- Địa chỉ: Tầng 8, Tòa SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc,  
Quận Hà Đông, Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: (84-24) 625.366.26

Fax: (84-24) 33.982.626

- E-mail:

- Loại công bố thông tin: ☐ 24h

☐ 72h

☐ Bất thường

☐ Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên năm 2025 đã được Kiểm toán.

- Báo cáo tài chính Mệ bán niên năm 2025 đã được Kiểm toán.

- Văn bản giải trình

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/09/2025 tại đường dẫn <http://stdgroup.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC

- Văn bản giải trình

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

**BÙI THỊ NGỌC HUYỀN**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THÁI DƯƠNG**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	3 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105806767, đăng ký lần đầu ngày 01/03/2012 và thay đổi lần thứ 12 ngày 24/06/2025 do sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính công ty: Tầng 08, tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Văn Hóa	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Công Khải	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Minh	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Bà Đỗ Như Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Masayuki Takeuchi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Trí Thiện – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.



## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)**

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

Ông Nguyễn Trí Thiện  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2025



Số: 1209/2025/BCSX/IAV

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 09 năm 2025, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận**

Tại ngày 30/06/2025 và 01/01/2025, như khoản trình bày tại thuyết minh số 4.10 - "Đầu tư tài chính dài hạn" trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện đánh giá và cho rằng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona với giá trị là 147.000.000.000 VND khó có khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị khoản đầu tư này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá về mức trích lập dự phòng của khoản đầu tư này có phù hợp hay không cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Tại ngày 30/06/2025 và 01/01/2025, khoản đầu tư vào công ty con Công ty Cổ phần staBOO Invest Việt Nam với số tiền 200.000.000.000 VND, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá có cần trích lập dự phòng của khoản đầu tư này hay không cũng như các ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

### **Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (tiếp theo)**

Như trình bày tại thuyết minh số 4.2 - "Phải thu khách hàng ngắn hạn" trên Bảng đối kế toán riêng giữa niên độ, tại ngày 30/06/2025 và 01/01/2025 Công ty đã thực hiện đánh giá thận trọng và cho rằng khoản phải thu ngắn hạn Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ với giá trị phải thu là 59.740.825.000 VND khó có khả năng thu hồi. Theo đó, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với toàn bộ số tiền này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị khoản phải thu này và khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi này có phù hợp hay không cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Tại ngày 30/06/2025, trên khoản mục "Phải thu về cho vay ngắn hạn" và "Phải thu ngắn hạn khác" trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty bao gồm khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo đối với Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc với số tiền: 120.800.000.000 VND (tại ngày 01/01/2025 số tiền: 120.800.000.000 VND) và số lãi cho vay phải thu tương ứng đến thời điểm phát hành báo cáo chưa thu được là 33.424.964.385 VND (tại ngày 01/01/2025 số tiền: 28.632.679.452 VND). Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đánh giá khả năng thu hồi và các khoản Dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập cũng như ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Tại ngày 30/06/2025 và 01/01/2025, trên khoản mục "Phải trả dài hạn khác" bao gồm các khoản nhận đặt cọc tiền đất cho dự án xây dựng "Nhà máy sản xuất tấm ván tre OSB Thanh Hóa" và dự án "Phát triển vùng nguyên liệu" với số tiền 9.800.000.000 VND. Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá về khoản phải trả này và các ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Năm 2024, Công ty có hoạt động kinh doanh hàng hóa vật liệu xây dựng không qua kho với doanh thu bán và giá vốn bán hàng hóa lần lượt là 37.651.021.000 VND và 36.967.693.000 VND chiếm 98,9% tổng doanh thu và 99,9% tổng giá vốn trong năm của Công ty đem lại lợi nhuận gộp cho Công ty là 1.080.146.009 VND. Số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán có liên quan đến giao dịch này tại ngày 30/06/2025 lần lượt là 7.135.243.000 VND và 8.510.537.380 VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 7.135.243.000 VND và 9.400.537.380 VND). Với các tài liệu được cung cấp và các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đưa ra đánh giá về doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp đã ghi nhận trong năm 2024, số dư công nợ phải thu, phải trả nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### **Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này từ chối đưa ra kết luận về báo cáo tài chính này vào ngày 22/11/2024.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

### Vấn đề khác (tiếp theo)

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính này vào ngày 31/03/2025.

Cơ sở của việc Kiểm toán viên từ chối đưa ra kết luận đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 và từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do ảnh hưởng của các vấn đề sau:

- Kiểm toán viên không thể đánh giá giá trị thuần của khoản mục đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona.
- Kiểm toán viên không thể đánh giá giá trị hợp lý cũng như khoản thu hồi của khoản cho Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc vay và lãi cho vay còn lại tương ứng.
- Kiểm toán viên không đánh giá được mức trích lập dự phòng cần thiết và ảnh hưởng của chúng tới các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.
- Kiểm toán viên không thể đánh giá tình hình sử dụng các khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm toán viên không thể đánh giá giá trị thuần của khoản đầu tư vào công ty con Công ty Cổ phần BWG Mai Châu. Kiểm toán viên không đánh giá về khoản phải trả dài hạn khác về khoản tiền nhận đặt cọc tiền đất cho dự án xây dựng "Nhà máy sản xuất tấm ván tre OSB Thanh Hóa" và dự án "Phát triển vùng nguyên liệu".
- Trong năm 2024, Doanh thu và giá vốn bán hàng hóa (vật liệu xây dựng) không qua kho của Công ty chiếm 98,9% tổng doanh thu và 99,9% tổng giá vốn trong năm của Công ty. Số dư các khoản công nợ phải thu khách hàng và phải trả người bán có liên quan tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 7.135.243.000 VND và 9.400.537.380 VND. Với các tài liệu được cung cấp và các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, Kiểm toán viên không thể đưa ra đánh giá về doanh thu, giá vốn đã ghi nhận trong năm 2024, số dư công nợ phải thu, phải trả nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.



**NGUYỄN PHƯƠNG THÚY**

**Phó Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4567-2022-283-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ**

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>162.217.794.941</b>	<b>160.998.658.472</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	18.625.442	22.158.344
1. Tiền	111		18.625.442	22.158.344
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.467.443.393	159.197.219.654
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	67.902.463.996	67.561.152.289
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	438.301.736	2.161.101.736
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.4	120.800.000.000	120.800.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	33.854.922.416	29.062.637.484
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(62.528.244.755)	(60.387.671.855)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	592.828.345	607.038.345
1. Hàng tồn kho	141		592.828.345	607.038.345
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.138.897.761	1.172.242.129
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		888.897.761	922.242.129
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	4.15	250.000.000	250.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>448.397.108.162</b>	<b>459.669.116.649</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.107.485.530	1.362.704.821
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	1.107.485.530	1.362.704.821
- Nguyên giá	222		1.398.929.091	2.085.327.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(291.443.561)	(722.622.452)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.10	439.917.690.232	450.821.785.845
1. Đầu tư vào công ty con	251		619.120.000.000	619.120.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147.000.000.000	147.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		198.660.000	198.660.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(326.400.969.768)	(315.496.874.155)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.371.932.400	7.484.625.983
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	7.371.932.400	7.484.625.983
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>610.614.903.103</b>	<b>620.667.775.121</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>130.948.825.007</b>	<b>117.608.595.697</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.052.375.007</b>	<b>21.373.845.697</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	9.388.324.267	10.610.459.527
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	25.245.210	1.575.245.210
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	-	148.766
4. Phải trả người lao động	314		15.592.900	31.549.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	2.419.998.230	2.423.022.817
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	18.614.400	25.619.977
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	9.184.600.000	6.707.800.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>109.896.450.000</b>	<b>96.234.750.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	9.800.000.000	9.800.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	100.096.450.000	86.434.750.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>479.666.078.096</b>	<b>503.059.179.424</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.17</b>	<b>479.666.078.096</b>	<b>503.059.179.424</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		792.000.000.000	792.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		792.000.000.000	792.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(312.333.921.904)	(288.940.820.576)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(288.940.820.576)	(293.421.267.681)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(23.393.101.328)	4.480.447.105
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>610.614.903.103</b>	<b>620.667.775.121</b>



Người lập biểu  
Bùi Thị Ngọc Huyền



Kế toán trưởng  
Bùi Thị Ngọc Huyền



Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Nguyễn Trí Thiện  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 09 năm 2025



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	3.150.358.030	28.241.682.139
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>3.150.358.030</b>	<b>28.241.682.139</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	2.836.044.518	27.742.959.000
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>314.313.512</b>	<b>498.723.139</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.792.310.648	7.206.005.825
7. Chi phí tài chính	22	5.4	25.970.679.980	19.057.878.988
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.473.064	1.423.031.663
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	2.526.819.292	1.381.875.373
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>(23.390.875.112)</b>	<b>(12.735.025.397)</b>
11. Thu nhập khác	31	5.6	-	46.408.353
12. Chi phí khác	32	5.7	2.226.216	267.500.000
13. <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(2.226.216)</b>	<b>(221.091.647)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(23.393.101.328)</b>	<b>(12.956.117.044)</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(23.393.101.328)</b>	<b>(12.956.117.044)</b>



Người lập biểu  
Bùi Thị Ngọc Huyền



Kế toán trưởng  
Bùi Thị Ngọc Huyền



Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Nguyễn Trí Thiện  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 09 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025  
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(23.393.101.328)	(12.956.117.044)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		100.779.699	146.160.061
- Các khoản dự phòng	03		13.044.668.513	15.039.247.325
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		15.021.111.303	2.595.600.000
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.792.310.648)	(7.252.414.178)
- Chi phí lãi vay	06		45.473.064	1.423.031.663
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.620.603	(1.004.492.173)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.414.832.662	49.222.626.493
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.210.000	(26.636.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.167.246.103)	16.178.828.028
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		112.693.583	226.524.100
- Tiền lãi vay đã trả	14		(28.808.954)	(623.316.411)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.627.698.209)	63.973.534.037
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		154.439.592	950.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(100.900.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	17.266.296.949
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.715	5.656.719.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		154.465.307	(77.026.983.976)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	1.560.000.000	55.420.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(90.300.000)	(42.087.104.138)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.469.700.000</b>	<b>13.332.895.862</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.532.902)	279.445.923
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.158.344	187.593.979
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		<u>18.625.442</u>	<u>467.039.902</u>



Người lập biểu

Bùi Thị Ngọc Huyền



Kế toán trưởng

Bùi Thị Ngọc Huyền



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Trí Thiện

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 09 năm 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng giữa niên kèm theo.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0105806767, đăng ký lần đầu ngày 01/03/2012 và thay đổi lần thứ 12 ngày 24/06/2025 do sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 792.000.000.000 VND (Bảy trăm chín mươi hai tỷ đồng).

Công ty có trụ sở chính công ty: Tầng 08, tòa nhà Simco Sông Đà, Tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 5 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 6 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: kinh doanh thương mại các mặt hàng thiết bị điện tử, phân bón, vật liệu xây dựng và các mặt hàng từ tre.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.4 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không tập trung hoạt động thương mại hàng hóa (các mặt hàng vật liệu xây dựng và mặt hàng từ tre) nên doanh thu 6 tháng năm 2025 giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước.

**1.5 Cấu trúc công ty**

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các Công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	Phú Thọ	Sản xuất các sản phẩm từ tre, trồng rừng và chăm sóc rừng	96,54%	96,54%
Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam	Hà Nội	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	93,00%	93,00%
Công ty Cổ phần StaBoo Invest Việt Nam	Hà Nội	Đầu tư sản xuất lâm, nông nghiệp, xây dựng, kinh doanh bất động sản	84,75%	84,75%



Tại ngày 30/06/2025, Công ty có Công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona (ii)	Hà Nội	Thiết kế nội, ngoại thất, thiết kế kiến trúc, tư vấn dự án, quy hoạch hạ tầng đô thị	49%	49%

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh trên báo cáo tài chính**

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của số liệu cùng kỳ năm trước.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Giả định hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**2.3. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



### 3.3 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

##### *Đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. [Có thể sửa chi tiết cho phù hợp với chính sách của Công ty/ Tập đoàn nếu yêu cầu].

##### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### 3.4 Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### 3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Chi tiết như sau:

Phương tiện vận tải truyền dẫn

Số năm

08 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và chi phí thanh lý tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Tiền thuê văn phòng*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 29 năm.

### 3.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.



- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại và phần tiền lãi trả chậm khi công ty chưa thực hiện trả tiền cho nhà cung cấp.

### 3.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 3.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

### 3.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có danh sách chốt quyền cổ đông và cổ tức

### 3.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### **Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.14 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**3.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

**3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.240.421	7.678.940
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.385.021	14.479.404
	<b>18.625.442</b>	<b>22.158.344</b>



**4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	59.740.825.000	59.740.825.000
Công ty CP Đầu tư Xuân Huy	7.135.243.000	7.135.243.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.026.395.996	685.084.289
	<b>67.902.463.996</b>	<b>67.561.152.289</b>

**4.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Đầu tư HAFA	248.979.300	1.798.979.300
Các khoản trả trước cho người bán khác	189.322.436	362.122.436
	<b>438.301.736</b>	<b>2.161.101.736</b>

**4.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Cát Tường Thiên Tân Lạc (i)	120.800.000.000	120.800.000.000
	<b>120.800.000.000</b>	<b>120.800.000.000</b>

(i) Cho vay theo Hợp đồng số 01/HĐV/STD-CTT ngày 16/12/2021, Phụ lục số 01 ký ngày 16/12/2022 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) và Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (Bên B). Thời gian cho vay 12 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng vay, lãi suất 8%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Bên A có quyền hoán đổi số tiền cho vay thành vốn góp vào bên B trong trường hợp bên vay tăng vốn điều lệ. Khoản vay được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 12/2021/NQHĐQT/SJF ngày 15/12/2021.

Theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐV/SJF-CTT ngày 01/01/2023 giữa 2 bên, Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) đồng ý gia hạn khoản vay cho Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (Bên B) đến thời điểm 31/12/2024. Theo phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐV/SJF-CTT ngày 01/01/2025 giữa 2 bên, Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (Bên A) đồng ý gia hạn khoản vay cho Công ty Cổ phần Cát Tường Thiên Tân Lạc (Bên B) đến thời điểm 31/12/2025.

**4.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	36.538.000	-	36.538.000	-
Lãi phải thu Công ty CP Cát Tường Thiên Tân Lạc	33.424.964.385	-	28.632.679.452	-
Phải thu khác	393.420.031	(362.944.000)	393.420.032	(362.944.000)
	<b>33.854.922.416</b>	<b>(362.944.000)</b>	<b>29.062.637.484</b>	<b>(362.944.000)</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 4.6 Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND
Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	Trên 3 năm	59.740.825.000	Trên 3 năm	59.740.825.000
Công ty CP HAWINCO Phúc Minh	Trên 3 năm	148.980.053	Trên 3 năm	148.980.053
Công ty TNHH Đầu tư và PT Thương mại Thanh Nga Hà Nội	Trên 3 năm	84.922.802	Trên 3 năm	84.922.802
Công ty TNHH Cơ điện ABBS Việt Nam	Trên 3 năm	50.000.000	Trên 3 năm	50.000.000
Công ty CP Đầu tư Xuân Huy	Từ 6 tháng đến 1 năm	7.135.243.000		7.135.243.000
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	362.944.000	Trên 3 năm	362.944.000
		<u>67.522.914.855</u>		<u>67.522.914.855</u>
		<u>(62.528.244.755)</u>		<u>(60.387.671.855)</u>

4.7 Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	592.828.345		607.038.345	-
	<b>592.828.345</b>	<b>-</b>	<b>607.038.345</b>	<b>-</b>

4.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu kỳ	2.085.327.273	2.085.327.273
Giảm trong kỳ	(686.398.182)	(686.398.182)
- Thanh lý nhượng bán	(686.398.182)	(686.398.182)
Số dư cuối kỳ	<b>1.398.929.091</b>	<b>1.398.929.091</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu kỳ	722.622.452	722.622.452
Tăng trong kỳ	100.779.699	100.779.699
- Khấu hao trong kỳ	100.779.699	100.779.699
Giảm trong kỳ	(531.958.590)	(531.958.590)
- Thanh lý, nhượng bán	(531.958.590)	(531.958.590)
Số dư cuối kỳ	<b>291.443.561</b>	<b>291.443.561</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu kỳ	<b>1.362.704.821</b>	<b>1.362.704.821</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>1.107.485.530</b>	<b>1.107.485.530</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 0 VND, tại ngày 01/01/2025 là 0 VND;

- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 1.107.485.533 VND, tại ngày 01/01/2025 là 1.194.918.601 VND.

4.9 Chi phí trả trước dài

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	7.371.932.400	7.484.625.983
	<b>7.371.932.400</b>	<b>7.484.625.983</b>

(i) Hợp đồng cho thuê văn phòng số 2012/2019/HĐTVP ngày 20/12/2019 giữa công ty CP Simco Sông Đà và Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương với tổng diện tích là 436,08 m2. Thời gian thuê là 25 năm từ 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2044. Phụ lục hợp đồng số 01/2021/PLHĐ ngày 10/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Simco Sông Đà và Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương bổ sung thời hạn thuê 5 năm từ 01/01/2045 đến 31/12/2049.



4.10 Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>619.120.000.000</b>	<b>(179.202.309.768)</b>	-	<b>619.120.000.000</b>	<b>(168.298.214.155)</b>	-
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	270.320.000.000	(90.271.464.032)	(i)	270.320.000.000	(79.409.832.219)	(i)
Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam	148.800.000.000	(88.930.845.736)	(i)	148.800.000.000	(88.888.381.936)	(i)
Công ty Cổ phần StaBoo Invest Việt Nam	200.000.000.000	-	(i)	200.000.000.000	-	(i)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>147.000.000.000</b>	<b>(147.000.000.000)</b>	-	<b>147.000.000.000</b>	<b>(147.000.000.000)</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona (ii)	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(i)	147.000.000.000	(147.000.000.000)	(i)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>198.660.000</b>	<b>(198.660.000)</b>	-	<b>198.660.000</b>	<b>(198.660.000)</b>	-
Công ty Cổ phần Jarcel Việt Nam	198.660.000	(198.660.000)	(i)	198.660.000	(198.660.000)	(i)
	<b>766.318.660.000</b>	<b>(326.400.969.768)</b>	-	<b>766.318.660.000</b>	<b>(315.496.874.155)</b>	-

Giá trị hợp lý

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.
- (ii) Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tona đang khó khăn về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thu hồi của khoản đầu tư trong tương lai và chưa biết thời gian nào tình hình kinh doanh và tình hình tài chính sẽ được cải thiện. Để thận trọng, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc quyết định trích lập dự phòng 100% giá trị của khoản đầu tư này từ năm 2023. Trong năm 2024 Công ty đã có nghị quyết về việc thoái vốn đối với khoản đầu tư này nhưng đến thời điểm hiện tại Công ty chưa tìm được đối tác để chuyển nhượng.

**4.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt	8.510.537.380	8.510.537.380	9.400.537.380	9.400.537.380
Các nhà cung cấp khác	877.786.887	877.786.887	1.209.922.147	1.209.922.147
	<b>9.388.324.267</b>	<b>9.388.324.267</b>	<b>10.610.459.527</b>	<b>10.610.459.527</b>

**4.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty CP Đầu tư HAFA	-	1.550.000.000
Các khoản người mua trả tiền trước khác	25.245.210	25.245.210
	<b>25.245.210</b>	<b>1.575.245.210</b>

**4.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.419.998.230	2.051.022.817
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	372.000.000
	<b>2.419.998.230</b>	<b>2.423.022.817</b>

**4.14 Phải trả khác**

**4.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả BH XH, BH YT, BH TN	18.614.400	9.619.977
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	16.000.000
	<b>18.614.400</b>	<b>25.619.977</b>

**4.14.2 Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ông Đoàn Văn Lập (i)	4.300.000.000	4.300.000.000
Ông Lò Văn Ninh (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Vĩ Văn Dương (i)	2.500.000.000	2.500.000.000
	<b>9.800.000.000</b>	<b>9.800.000.000</b>

(i) Đây là khoản tiền mà các cá nhân đặt cọc bằng tiền mặt để mua đất tại xã Chiềng Châu, huyện Mai châu, Tỉnh Hòa bình.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

## 4.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT	-	-	2.226.216	2.077.450	-	148.766
Thuế thu nhập doanh nghiệp	250.000.000	-	-	-	250.000.000	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	<b>250.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.226.216</b>	<b>5.077.450</b>	<b>250.000.000</b>	<b>148.766</b>

## 4.16 Vay và nợ thuế tài chính

## 4.16.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	6.527.200.000	6.527.200.000	2.476.800.000	-	9.004.000.000	9.004.000.000
Vay cá nhân	6.527.200.000	6.527.200.000	2.476.800.000	-	9.004.000.000	9.004.000.000
Công ty StaBOO Holding AG (i)	5.727.200.000	5.727.200.000	916.800.000	-	6.644.000.000	6.644.000.000
Ông Đỗ Đức Giang (ii)	800.000.000	800.000.000	-	-	800.000.000	800.000.000
Ông Mạc Văn Nhật (iii)	-	-	700.000.000	-	700.000.000	700.000.000
Ông Lê Đình Vũ (iv)	-	-	860.000.000	-	860.000.000	860.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	180.600.000	180.600.000	90.300.000	90.300.000	180.600.000	180.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm (v)	180.600.000	180.600.000	90.300.000	90.300.000	180.600.000	180.600.000
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	<b>6.707.800.000</b>	<b>6.707.800.000</b>	<b>2.567.100.000</b>	<b>90.300.000</b>	<b>9.184.600.000</b>	<b>9.184.600.000</b>

4.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay Dài hạn	85.908.000.000	85.908.000.000	13.752.000.000	-	99.660.000.000	99.660.000.000
Công ty StaBOO Holding AG (i)	85.908.000.000	85.908.000.000	13.752.000.000	-	99.660.000.000	99.660.000.000
Ngân hàng TMCP Đại tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm (v)	526.750.000	526.750.000	-	90.300.000	436.450.000	436.450.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	86.434.750.000	86.434.750.000	13.752.000.000	90.300.000	100.096.450.000	100.096.450.000

Thông tin chi tiết các khoản vay:

(i) Khoản vay doanh nghiệp Thụy Sĩ StaBOO Holding AG theo hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 01/SB-SJF ngày 28/04/2023 số tiền 500.000 CHF (Năm trăm nghìn Franc Thụy Sĩ) với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay đến 15/12/2023. Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 02/SB-SJF ngày 25/08/2023 số tiền 700.000 CHF (Bảy trăm nghìn Franc Thụy Sĩ) với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay đến 15/12/2023. Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay số 03/SB-SJF ngày 31/01/2024 số tiền 2.000.000 CHF (Hai triệu Franc Thụy Sĩ) với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay đến 31/03/2024. Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.

Theo thỏa thuận ngày 28/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương và ông Nguyễn Trọng Nghĩa (Bên vay) và StaBOO Holding AG (Bên cho vay), StaBOO Holding AG đồng ý gia hạn khoản vay với số tiền 3.000.000 CHF (Ba triệu Franc Thụy Sĩ) đến thời điểm 31/05/2034 với các điều khoản cụ thể như sau:

- Bên vay phải hoàn trả số tiền 200.000 CHF (Hai trăm nghìn Franc Thụy Sĩ) của các khoản vay trước đây;
- Bên cho vay được nhận 10% cổ phần của Công ty Cổ phần staBOO Thanh Hóa (Công ty mà ông Nguyễn Trọng Nghĩa nắm giữ cổ phần);Khoản vay không tính lãi suất theo từng thời kỳ.
- Tuy nhiên, tại thời điểm khoản vay hết hạn (31/05/2034), bên vay (Công ty Cổ phần Sao Thái Dương và ông Nguyễn Trọng Nghĩa) phải có nghĩa vụ mua lại 10% cổ phần Công ty Cổ phần staBOO Thanh Hóa của bên cho vay (staBOO Holding AG).



(ii) Hợp đồng vay mượn số 18.2024/HĐCV/STD-CN ngày 20/08/2024 giữa STD và ông Đỗ Đức Giang, số tiền 800.000.000 VND với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay 3 tháng. Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Không có tài sản đảm bảo.

Phụ lục hợp đồng vay mượn số 01.2025/PLHĐVM/STD-CN ngày 03/01/2025, gia hạn thời gian cho vay: 12 tháng.

(iii) Hợp đồng vay vốn số 01.2025/HĐVM/STD-CN ngày 06/01/2025 giữa STD và ông Mạc Văn Nhật, số tiền 700.000.000 VND với lãi suất 2%/năm. Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Không có tài sản đảm bảo.

(iv) Hợp đồng vay vốn số 02.2025/HĐVM/STD-CN ngày 20/05/2025 giữa STD và ông Lê Đình Vũ với số tiền 860.000.000 VND. Thời gian vay 12 tháng. Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Không có tài sản đảm bảo.

(v) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/6152035/HĐTD ngày 16/11/2023; Số tiền vay: 903.000.000 VND. Mục đích vay: Đầu tư tài sản là 1 xe ô tô Kia Carnival 2.2D; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất: Áp dụng lãi suất cố định trong 1 năm đầu tiên là 8,5%/năm các kỳ tiếp theo lãi suất bằng lãi suất HĐV dân cư kỳ hạn 24 tháng trả sau của BIDV + Margin (3,9%/năm). Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2023/6152035/HĐBĐ ngày 16/11/2023 giữa Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lâm, thế chấp 01 ô tô Kia Carnival 2.2D Signature 7S, BKS 30K-605.63.

#### 4.17 Vốn chủ sở hữu

##### 4.17.1 Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	792.000.000.000	(293.421.267.681)	498.578.732.319
Tăng trong năm			
- Lãi trong năm	-	4.480.447.105	4.480.447.105
Số dư cuối năm trước	792.000.000.000	(288.940.820.576)	503.059.179.424
Số dư đầu kỳ này	792.000.000.000	(288.940.820.576)	503.059.179.424
Giảm trong kỳ			
- Lỗ trong kỳ	-	(23.393.101.328)	(23.393.101.328)
Số dư cuối kỳ này	792.000.000.000	(312.333.921.904)	479.666.078.096

##### 4.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Ông Đỗ Cần	70.383.800.000	8,89%	70.383.800.000	8,89%
Cổ đông khác	721.616.200.000	91,11%	721.616.200.000	91,11%
	<b>792.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>792.000.000.000</b>	<b>100%</b>

4.17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	792.000.000.000	792.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	792.000.000.000	792.000.000.000

4.17.4 Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	79.200.000	79.200.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	79.200.000	79.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

4.17.5 Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	(288.940.820.576)	(293.421.267.681)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh kỳ này	(23.393.101.328)	(12.956.117.044)
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong kỳ	(312.333.921.904)	(306.377.384.725)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>(312.333.921.904)</b>	<b>(306.377.384.725)</b>

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.760.419.230	28.241.682.139
Doanh thu lắp ráp và cung cấp dịch vụ	389.938.800	-
	<b>3.150.358.030</b>	<b>28.241.682.139</b>



**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.691.131.000	27.742.959.000
Giá vốn của hoạt động cung cấp dịch vụ	144.913.518	-
	<b>2.836.044.518</b>	<b>27.742.959.000</b>

**5.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.792.310.648	7.206.005.825
	<b>4.792.310.648</b>	<b>7.206.005.825</b>

**5.4 Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	45.473.064	1.423.031.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.021.111.303	2.595.600.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	10.904.095.613	15.039.247.325
	<b>25.970.679.980</b>	<b>19.057.878.988</b>

**5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	315.567.900	578.987.900
Chi phí khấu hao TSCĐ	13.346.631	146.160.061
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dự phòng	2.140.572.900	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.331.861	656.727.412
	<b>2.526.819.292</b>	<b>1.381.875.373</b>

**5.6 Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	46.408.353
	<b>-</b>	<b>46.408.353</b>

**5.7 Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản bị phạt	2.226.216	267.500.000
	<b>2.226.216</b>	<b>267.500.000</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.560.000.000	55.420.000.000
	<b>1.560.000.000</b>	<b>55.420.000.000</b>

**6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	90.300.000	42.087.104.138
	<b>90.300.000</b>	<b>42.087.104.138</b>

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1. Các khoản cam kết, bảo lãnh**

Trong kỳ, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

**7.2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính riêng giữa niên độ và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**7.3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**7.3.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:**

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>154.500.000</b>	<b>292.112.000</b>
Ông Nguyễn Trí Thiện	Chủ tịch HĐQT	67.200.000	94.512.000
Ông Nguyễn Xuân Nam	Thành viên HĐQT	29.100.000	88.200.000
Ông Đặng Văn Hóa	Thành viên HĐQT	-	30.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	58.200.000	49.400.000
Ông Nguyễn Công khai	kiêm Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	-	30.000.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>-</b>	<b>36.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Minh	Trưởng ban KS	-	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên Ban KS	-	12.000.000
Bà Đỗ Như Ngọc	Thành viên Ban KS	-	12.000.000
<b>Tổng cộng:</b>		<b>154.500.000</b>	<b>328.112.000</b>

**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.**

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**7.3.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: Các doanh nghiệp, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp có quyền kiểm soát ở Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và các công ty trong cùng tập đoàn.

**Danh sách các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Địa chỉ	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	Phú Thọ	Công ty con
Công ty Cổ phần Sunstar Ecotech Việt Nam	Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần StaBoo Invest Việt Nam	Hà Nội	Công ty con

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Trong kỳ kế toán này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Các giao dịch khác	Nội dung	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần BWG Mai Châu	Mua hàng hóa	-	59.400.000
		-	<b>59.400.000</b>

**Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty không có số dư với các bên liên quan khác.

**7.4. Thông tin khác**

Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đã ra Quyết định hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty số 597/QĐ-SGDHCM ngày 25/10/2024, ngày hủy niêm yết có hiệu lực 01/11/2024 và ngày giao dịch cuối cùng cổ phiếu SJF tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 10/11/2023.

Tại ngày 06/11/2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra quyết định số 1188/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch 79.200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương (mã chứng khoán: SJF) tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngoài ra, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã đưa ra thông báo số 4911/TB-SGDHN về việc chính thức đưa 79.200.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương vào giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 13/11/2024. Đồng thời đưa vào diện hạn chế giao dịch theo quyết định số 397/QĐ-SGDHN ngày 08/04/2025.

**7.5. Thông tin về bộ phận**

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

**7.6. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



Người lập biểu  
Bùi Thị Ngọc Huyền



Kế toán trưởng  
Bùi Thị Ngọc Huyền



Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Nguyễn Trí Thiện  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 09 năm 2025